

Bản án số: 47/2022/HS-ST

Ngày: 16 - 8 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đặng Minh Tuấn.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Tuấn.

Bà Hà Thị Dung.

- Thư ký phiên toà: Bà Diệp Thu Trang – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Ông Trần Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm, thụ lý số 36/2022/TLST-HS ngày 21 tháng 6 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2022/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 8 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đình N; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 10 tháng 10 năm 1960 tại Phổ Yên, Thái Nguyên; Nơi cư trú: Tổ dân phố QV, phường BH, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 7/10. Nghề nghiệp: Kinh doanh. Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH xây dựng Đại Dương; Con ông: Nguyễn Đình P (đã chết), con bà: Lê Thị T (đã chết); Có vợ là Trần Thị O; có 02 con, con lớn sinh năm 1984, con nhỏ sinh năm 1986; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Bản án hình sự số 428 ngày 30/10/1986 của TAND tối cao đã xử phạt Nguyễn Đình N 30 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản XHCN*”. Quá trình chấp hành án tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Bắc Thái (nay là Công an tỉnh Thái Nguyên), N được xét giảm án 02 lần, đến ngày 13/02/1988 chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/9/2021, đến ngày 17/02/2022 được thay thế bằng biện pháp Bảo lãnh tại địa phương. (có mặt)

2. Hoàng Thị L; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 20 tháng 6 năm 1982 tại Lâm Thao, Phú Thọ; Nơi cư trú: Tổ dân phố TL, phường HT, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp và nơi làm việc: Kế toán Công ty TNHH xây dựng Đại Dương; Con ông: Hoàng Văn T1, con bà: Đinh Thị K; Có chồng là Ngô Văn H, sinh năm 1976. Bị cáo có 03 con (con lớn nhất sinh

2003, con nhỏ nhất sinh năm 2019). Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/12/2021, đến ngày 24/5/2022 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt)

3. Nguyễn Mỹ H1; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 07 tháng 11 năm 1983 tại Thanh Sơn, Phú Thọ; Nơi cư trú: Thôn 3, xã HĐ, huyện TN, thành phố Hải Phòng; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; trình độ học vấn 12/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông: Nguyễn Xuân T2 (đã chết), con bà: Phạm Thị D; Chồng thứ nhất: Chu Văn H2, sinh năm 1983 (đã ly hôn năm 2004); chồng thứ hai: Nguyễn Hữu T3, sinh năm 1968 (đã ly hôn năm 2012); chồng thứ ba: Trần Trung T4, sinh năm 1986 (đã ly hôn năm 2017); Bị cáo có 02 con (con lớn sinh năm 2009, con bé sinh năm 2016); Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Tại Bản án HSST số 77 ngày 10/6/2021 của TAND thành phố Hải Phòng xử phạt Nguyễn Mỹ H1 12 tháng tù về tội “Mua bán trái phép hoá đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước”.

- Tại Bản án HSST số 148 ngày 20/12/2021 của TAND tỉnh Quảng Ninh xử phạt Nguyễn Mỹ H1 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép hoá đơn”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/9/2021, đến ngày 19/10/2021 được thay thế bằng biện pháp Bảo lãnh tại địa phương. (có mặt)

4. Phạm Văn T5 ; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 27 tháng 12 năm 1967 tại An Dương, TP Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn DN, xã LT, huyện AD, TP Hải Phòng; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam ; Tôn giáo: Không; trình độ văn hoá: 10/10; nghề nghiệp: Kinh doanh; Con ông: Phạm Văn M (đã chết), con bà: Vũ Thị L1 (đã chết); Vợ: Nguyễn Thị H3, sinh năm 1972; Bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1989, con bé nhất sinh năm 2004. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/9/2021, đến ngày 08/01/2022 được thay thế bằng biện pháp Bảo lãnh tại địa phương. (có mặt)

5. Đồng Minh L2; Tên gọi khác: Đồng Thành C; Sinh ngày 06 tháng 10 năm 1975 tại Phổ Yên, Thái Nguyên; Nơi ĐKKTT: Tổ dân phố QT, phường TH, TP Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; Chỗ ở: Tổ dân phố V, phường TH, TPPY, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Kinh doanh; chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH thương mại xây dựng M L2; Con ông: Đồng Minh H4, con bà: Nguyễn Thị T5; Vợ: Đàm Thị Thu H5, sinh năm 1977; có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/12/2021, đến ngày 24/5/2022 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt)

6. Đào Thị P; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 10 tháng 3 năm 1989 tại: Phổ Yên, Thái Nguyên; Nơi cư trú: Tổ dân phố TL, phường HT, TP Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp và nơi làm việc: Kế toán Công ty TNHH thương mại xây dựng M L2; Con ông: Đào Văn H6 (đã chết năm 2018), con bà: Nguyễn Thị B; Chồng: Đỗ Văn M, sinh năm 1989; có 03 con, con lớn nhất sinh

năm 2013, con nhỏ nhất sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chi cục thuế khu vực Phố Yên – Phú Bình. Đại diện: Ông Lê Duy T6 – Chức vụ Chi cục trưởng, uỷ quyền cho bà Cù Thị Thu H7 – Chức vụ Phó Chi cục trưởng (có mặt).

Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Thanh H8, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Phường HN, quận LC, thành phố Hải Phòng.

2. Chị Nguyễn Thanh H9, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Nơi cư trú: VT, MK, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh.

3. Chị Phạm Thị Thanh H10, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Tổ dân phố QV, phường BH, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên.

4. Anh Đỗ Văn M, sinh năm 1989. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố TL, phường HT, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Với mục đích mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT) không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo nhằm thu lợi bất chính, trong thời gian từ cuối năm 2017 đến đầu năm 2021, Nguyễn Mỹ H1 đã mua và sử dụng hai Công ty gồm:

- Công ty TNHH phát triển đầu tư xây dựng Quang Đại Phát (gọi tắt là Công ty Quang Đại Phát), địa chỉ đăng ký: Số 7/126 NQ, phường MC, quận NQ, thành phố Hải Phòng, Mã số thuế: 0201816831, Giám đốc và người đại diện theo pháp luật ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là Nguyễn Thanh H8, sinh năm 1966, trú tại: Số 1/119 CH, phường HN, quận LC, thành phố Hải Phòng. Kèm theo con dấu, giấy đăng ký doanh nghiệp ; 50 quyền hóa đơn GTGT, mẫu số 01GTKT3/001, ký hiệu AA/17P, với 2500 số hoá đơn. Công ty có mở các tài khoản: Số 321100010421 tại Ngân hàng BIDV – Chi nhánh Hải Phòng, số 112002642578 và số 115002687651 tại Ngân hàng Vietinbank – Chi nhánh Hồng Bàng, Hải Phòng để giao dịch.

- Công ty TNHH phát triển thương mại xây dựng Kim Liên (gọi là Công ty Kim Liên), Mã số thuế: 0202018433, địa chỉ đăng ký: Số 46/76/89 ĐK, phường ĐK, Quận NQ, thành phố Hải Phòng, Giám đốc và người đại diện theo pháp luật ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là Vũ Thị Kim A, sinh năm 1982, trú tại: thôn PL, xã HD, GL, Hải Dương. Kèm theo con dấu, giấy đăng ký doanh nghiệp ; 100 quyền hóa đơn GTGT, mẫu số 01GTKT3/001, ký hiệu AA/20P, với 5000 số hoá đơn. Công ty có mở các tài khoản: Số 32110001158406 tại Ngân hàng BIDV – Chi nhánh Hải Phòng, số 115002857299 tại Ngân hàng Vietinbank – Chi nhánh Đông Hải Dương để giao dịch.

Hai Công ty trên thực chất không có bất kỳ hoạt động sản xuất, Kinh doanh gì, không có bộ máy để hoạt động, giám đốc và người đại diện theo pháp luật ghi

trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đều không phải là người đứng ra thành lập công ty. Sau khi mua hai Công ty trên, H1 làm thủ tục thông báo phát hành hóa đơn GTGT gửi cơ quan quản lý thuế khu vực Ngô Quyền – Hải An, thành phố Hải Phòng, đăng ký nộp thuế theo quý và gửi báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn bằng hình thức khai báo điện tử. Để tránh bị Cơ quan có thẩm quyền phát hiện, khi làm các thủ tục này, H1 đều lấy tên giả là Nguyễn Thùy D1. Đồng thời, H1 thuê một người là tên “H11 béo” mở thêm tài khoản cho Công ty Quang Đại Phát, Công ty Kim Liên tại ngân hàng Vietinbank – Chi nhánh Đông Hải Dương như nêu trên.

Quá trình điều tra, H1 khai nhận: Trong thời gian từ tháng 10/2017 đến tháng 7/2021, H1 đã bán trái phép số lượng lớn hóa đơn GTGT không có hàng hóa dịch vụ kèm theo cho các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng và các tỉnh khác, trong đó có tỉnh Thái Nguyên.

Đối với các Công ty trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, kết quả điều tra xác định: Do có quan hệ quen biết từ trước với Phạm Văn T5 (sinh năm 1967, nơi cư trú: Thôn DN, xã LT, huyện AD, TP Hải Phòng), H1 gặp T5 và thỏa thuận thống nhất về việc bán trái phép hóa đơn GTGT. Theo đó, T5 có nhiệm vụ đi tìm người có nhu cầu mua hóa đơn GTGT, nhận hợp đồng kinh tế soạn trước từ người mua, chuẩn bị tiền để hợp thức việc xuất bán trái phép hóa đơn bằng hình thức chuyển khoản (do theo quy định của Luật quản lý thuế hoá đơn có giá trị từ 20.000.000 đồng trở lên phải thanh toán bằng chuyển khoản). H1 có nhiệm vụ ký giả các chữ ký của Giám đốc công ty Nguyễn Thanh H8, Vũ Thị Kim A trên hóa đơn GTGT, trên hợp đồng kinh tế, các lệnh chi, ủy nhiệm chi và đóng dấu của Công ty Quang Đại Phát, Công ty Kim Liên, rồi đưa cho T5 để chuyển lại cho người mua hoá đơn. Số tiền thu được khi bán hóa đơn hai bên thống nhất: H1 được hưởng số tiền 2% giá trị ghi trên hoá đơn chưa có thuế, số còn lại T5 được hưởng tùy vào mức thỏa thuận với bên mua.

Trong các năm từ 2018 đến 2021, H1 và T5 đã bán trái phép hóa đơn GTGT cho các cá nhân và Công ty trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên như sau:

1. Công ty TNHH xây dựng Đại Dương

Công ty TNHH xây dựng Đại Dương (gọi tắt là Công ty Đại Dương), địa chỉ tại: Tổ dân phố QV, phường BH, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên, Mã số thuế: 4600686613 do ông Nguyễn Đình N (sinh năm 1960; nơi cư trú: Tổ dân phố QV, phường BH, TP Phổ Yên) làm Giám đốc, người đại diện theo pháp luật; Hoàng Thị L (sinh năm 1982; nơi cư trú: Tổ dân phố TL, phường HT, TP Phổ Yên) làm Kế toán trưởng.

Năm 2016, Công ty Đại Dương thi công công trình san lấp mặt bằng và xây tường rào khu 3ha, CC1, A1, A2 Khu công nghiệp Trung Thành thuộc phường Trung Thành, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Năm 2019, Công ty Đại Dương thi công công trình: San lấp mặt bằng khu A5, B3, B4 thuộc Khu công nghiệp Trung Thành, phường TT, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên.

Quá trình thi công các công trình trên, Công ty Đại Dương đã mua, sử dụng các nguyên vật liệu sẵn có tại khu vực gần công trình hoặc sử dụng dịch vụ của cá

nhân trên địa bàn nhưng không có hóa đơn giá trị gia tăng. Để có hóa đơn giá trị gia tăng kê khai hàng hóa, dịch vụ mua vào cho Công ty Đại Dương đối với hai công trình trên, sau khi báo cáo và được sự đồng ý của Nguyễn Đình N, Hoàng Thị L liên hệ với Phạm Văn T5 để mua hóa đơn GTGT không có hàng hóa dịch vụ kèm theo với giá 5% (Năm phần trăm) giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn chưa có thuế.

Về cách thức mua bán hóa đơn: Khi có nhu cầu sử dụng hóa đơn GTGT, L soạn thảo hợp đồng kinh tế, bảng kê giá trị hàng hóa, dịch vụ cần ghi trên hóa đơn, rồi chuyển cho T5 bằng xe khách tuyến Thái Nguyên – Hải Phòng. T5 nhận và chuyển cho H1 để H1 viết hóa đơn, ký giả chữ ký của Giám đốc công ty Nguyễn Thanh H8, đóng dấu của Công ty Quang Đại Phát. Sau đó, H1 chuyển lại cho T5 hóa đơn, hợp đồng kinh tế để T5 chuyển cho L bằng xe khách tuyến Hải Phòng – Thái Nguyên. Tiếp theo, T5 ứng một khoản tiền trên dưới 01 tỷ đồng tùy thuộc vào giá trị ghi trên hóa đơn chuyển vào tài khoản cá nhân của Nguyễn hoặc L, L trực tiếp rút tiền mặt rồi nộp vào tài khoản của Công ty Đại Dương, sau đó làm thủ tục chuyển tiền vào tài khoản của Công ty Quang Đại Phát để hợp thức việc mua bán hóa đơn, đồng thời chuyển trả số tiền mà T5 đã ứng ra trước đó. Còn số tiền mua bán hóa đơn được L chuyển thẳng vào tài khoản cá nhân của T5, T5 giữ lại phần của mình và chuyển trả H1 phần của H1.

Với cách thức như trên, L đã liên hệ mua của T5 các hóa đơn GTGT của Công ty Quang Đại Phát, gồm:

- Hóa đơn số 0000570 ngày 01/10/2018, giá trị chưa thuế 1.245.630.000đ, thuế giá trị gia tăng 124.563.000đ, tổng giá trị cả thuế là 1.370.193.000đ.
- Hóa đơn số 0000573 ngày 04/10/2018, giá trị chưa thuế 5.862.430.800đ, thuế giá trị gia tăng 586.243.080đ, tổng giá trị cả thuế GTGT là 6.448.673.880đ.
- Hóa đơn số 0000576 ngày 06/10/2018, giá trị chưa thuế 5.643.759.400đ, thuế giá trị gia tăng 564.375.940đ, tổng giá trị cả thuế là 6.208.135.3340đ.
- Hóa đơn số 0001047 ngày 04/6/2019, giá trị chưa thuế 4.080.000.000đ, thuế giá trị gia tăng 408.000.000đ, tổng giá trị cả thuế là 4.448.000.000đ.
- Hóa đơn số 895 ngày 06/3/2019, giá trị chưa thuế 254.280.000đ, thuế giá trị gia tăng 25.428.000đ, giá trị cả thuế 279.708.000đ.
- Hóa đơn số 1171 ngày 31/8/2019, giá trị chưa thuế 423.531.818đ, thuế giá trị gia tăng 42.353.182đ, giá trị cả thuế 465.885.000đ.
- Hóa đơn GTGT số 1413 ngày 31/12/2019 giá trị chưa thuế 115.772.727đ, thuế giá trị gia tăng 11.577.273đ, giá trị cả thuế 127.350.000 đồng

Tổng cộng, H1 và T5 đã bán cho L 07 số hóa đơn GTGT của Công ty Quang Đại Phát với tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn chưa có thuế GTGT là 17.625.404.745 đồng. N và L đã trả cho T5 số tiền: 17.625.404.745 đồng x 5% = 881.270.237 đồng. Trong đó, T5 được hưởng số tiền 3% là 528.762.142 đồng, H1 được hưởng số tiền 2% là 352.508.095 đồng.

Số hóa đơn trên đã được N và L hạch toán, kê khai khấu trừ thuế GTGT cho Công ty Đại Dương. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định

về thuế đối với hành vi này của Công ty Đại Dương. Tại Kết luận Giám định số 3840/KL – GĐT ngày 29/9/2021 của Giám định viên Cục thuế tỉnh Thái Nguyên đã kết luận: Công ty Đại Dương đã trốn thuế GTGT số tiền **1.726.058.607** đồng; không đủ cơ sở để kết luận Công ty Đại Dương trốn thuế thu nhập doanh nghiệp .

2. Công ty TNHH Thương mại Xây dựng M L2

Công ty TNHH thương mại xây dựng M L2 (gọi tắt là Công ty M L2), địa chỉ tại: Tổ dân phố V, phường TH, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên, Mã số thuế: 4600792259 do Đồng Minh L2 (sinh năm 1975; nơi cư trú: Tổ dân phố V, phường TH, TP Phở Yên) làm Giám đốc, người đại diện theo pháp luật; Đào Thị P (sinh năm 1989, nơi cư trú: Tổ dân phố TL, phường HT, TP Phở Yên) là kế toán.

Khoảng đầu năm 2018, do có mối quan hệ quen biết từ trước với Phạm Văn T5 và biết T5 có nguồn hóa đơn GTGT để bán. L2 đã liên hệ và nhất trí mua trái phép hóa đơn GTGT của T5 với giá 4,2% giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn chưa có thuế. Theo thỏa thuận thống nhất giữa L2 và T5, việc mua bán trái phép hóa đơn L2 giao cho P trực tiếp làm việc với T5. P có trách nhiệm lập hợp đồng kinh tế, bảng kê hàng hóa, giá trị hàng hóa cần ghi trên hóa đơn để chuyển cho T5 bằng xe khách tuyến Thái Nguyên – Hải Phòng. Sau khi H1 hoàn tất thủ tục xuất hóa đơn của Công ty Quang Đại Phát hoặc Kim Liên, T5 chuyển hóa đơn cho P bằng xe khách tuyến Hải Phòng – Thái Nguyên. Để hợp thức việc mua bán trái phép hóa đơn, T5 ứng tiền chuyển cho L2 thông qua tài khoản số 108868616491 của Đỗ Văn M (sinh năm 1989, là chồng P) mở tại Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh Sông Công. Số tiền mua hóa đơn sau đó L2 bảo P chuyển thanh toán cho T5 thông qua tài khoản của M hoặc nộp thẳng vào tài khoản của T5.

Trong khoảng thời gian từ năm 2018 đến năm 2021, H1 và T5 đã bán cho L2 41 hóa đơn GTGT không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo của Công ty Quang Đại Phát và Công ty Kim Liên (trong đó, của Công ty Quang Đại Phát 28 hóa đơn, của Công ty Kim Liên 13 hóa đơn), với tổng giá trị hàng hóa ghi trên hóa đơn chưa có thuế là: 17.389.858.800 đồng. L2 đã trả cho T5 và H1 số tiền: $17.389.858.800 \text{ đồng} \times 4,2\% = 730.374.069 \text{ đồng}$. Trong đó, T5 được hưởng số tiền 2,2% là 382.576.894 đồng, H1 được hưởng số tiền 2% là 347.797.176 đồng.

Sau khi mua trái phép 41 hóa đơn của Công ty Quang Đại Phát và Công ty Kim Liên, L2 đã sử dụng số hóa đơn này để làm thủ tục vay tiền ngân hàng và kê khai hàng hóa, dịch vụ đầu vào. Đồng thời, theo L2 khai đã xuất bán trái phép hóa đơn của Công ty M L2 cho một số đơn vị doanh nghiệp khác với giá là 6% thu được số tiền: 1.217.290.116 đồng ($17.389.858.800 \text{ đồng} \times 6\% = 1.217.290.116 \text{ đồng}$). Trừ đi số tiền mua trái phép hóa đơn là 730.374.069 đồng, L2 thu lợi bất chính số tiền: **313.017.459** đồng.

Cơ quan điều tra đã Tiến hành xác minh tại các đơn vị, doanh nghiệp có mối quan hệ về kinh tế và được Công ty M L2 xuất hóa đơn GTGT để kê khai hàng hóa, dịch vụ đầu vào. Các công ty này đều không thừa nhận việc mua trái phép hóa đơn của Công ty M L2.

Cơ quan điều tra đã ra quyết định trưng cầu Giám định viên Cục thuế tỉnh Thái Nguyên giám định về thuế đối với hành vi nêu trên của Công ty M L2. Cục thuế tỉnh Thái Nguyên đã có văn bản số 711 ngày 24/02/2022 trả lời với nội dung: Cơ quan thuế không có căn cứ giám định để xác định số tiền thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Như vậy, H1 và T5 đã bán tổng cộng 48 hóa đơn GTGT cho Công ty Đại Dương và Công ty M L2, thu lợi bất chính số tiền 1.611.644.306 đồng. Trong đó, T5 được hưởng số tiền 911.339.036 đồng, H1 được hưởng số tiền 700.305.270 đồng.

Cơ quan điều tra đã thực nghiệm điều tra cho bị cáo H1 thực hiện lại việc ký giả chữ ký của giám đốc Công ty Quang Đại Phát là Nguyễn Thanh H8, giám đốc Công ty Kim Liên là Vũ Thị Kim A trên hóa đơn, hợp đồng kinh tế xuất bán không cho Công ty TNHH M L2, kết quả là H1 đã thực hiện được.

Tại Kết luận giám định số 1509 ngày 26/10/2021 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên về chữ ký, chữ viết trên hóa đơn GTGT, Hợp đồng kinh tế giữa Công ty Đại Dương với Công ty Quang Đại Phát, Công ty M L2 với Công ty Quang Đại Phát, Công ty M L2 với Công ty Kim Liên với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Mỹ H1 đã ký giả chữ ký của Nguyễn Thanh H8 là giám đốc Công ty Quang Đại Phát, của Vũ Thị Kim A là giám đốc Công ty Kim Liên được thực nghiệm tại Cơ quan điều tra là do cùng một người ký và viết ra.

Việc thu giữ tài liệu, đồ vật: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ các đồ vật, tài liệu, gồm:

- 07 hóa đơn GTGT liên hai (gồm 05 hóa đơn bản gốc và 02 hóa đơn bản photo, cùng các chứng từ kèm theo) của Công ty Quang Đại Phát mà H1 và T5 đã bán cho Nguyễn và L; 41 hóa đơn GTGT liên 2 bản gốc của Công ty Quang Đại Phát và Công ty Kim Liên (cùng các chứng từ kèm theo) mà H1 và T5 đã bán cho L2 và P; bản sao kê tài khoản của các công ty: Công ty Đại Dương, Công ty M L2, Công ty Quang Đại Phát, Công ty Kim Liên; của các cá nhân: Nguyễn Đình N, Hoàng Thị L, Đào Thị P, Đỗ Văn M, Đồng Minh L2. Phạm Văn T5 và một số tài liệu, đồ vật khác.

- 01 máy tính xách tay nhãn hiệu DELL và 01 điện thoại Iphone 12 của Hoàng Thị L; 01 điện thoại Iphone 11 của Nguyễn Đình N; 01 điện thoại Samsung của Đồng Minh L2; 02 điện thoại Nokia của Phạm Văn T5; 01 điện thoại Nokia của Nguyễn Mỹ H1.

Đối với các tài liệu, đồ vật liên quan đến Công ty Quang Đại Phát và Công ty Kim Liên đã bị Nguyễn Mỹ H1 tiêu hủy hết vào cuối năm 2020 để tránh sự phát hiện của các cơ quan chức năng, nên quá trình điều tra không thu giữ được.

Việc khắc phục hậu quả và nộp lại số tiền thu lợi bất chính: Quá trình điều tra, Nguyễn Đình N và Hoàng Thị L đã nộp khắc phục toàn bộ số tiền Công ty Đại Dương đã trốn thuế GTGT là 1.726.100.000 đồng (trong đó Nguyễn nộp 1.426.100.000 đồng, L nộp 300.000.000 đồng). Đối với số tiền thu lợi bất chính, đã được các bị cáo nộp lại như sau: Đồng Minh L2 và Đào Thị P nộp 300.000.000 đồng; Nguyễn Mỹ H1 nộp 400.000.000 đồng và Phạm Văn T5 nộp 500.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với diễn biến vụ án, kết quả giám định. tài liệu thu giữ, lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 46/CT – VKS (P1), ngày 14/6/2022 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Nguyễn Đình N và Hoàng Thị L về tội: “*Trốn thuế*”, quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật Hình sự; truy tố Nguyễn Mỹ H1, Phạm Văn T5 và Đồng Minh L2 (tên gọi khác: Đồng Thành C) về tội: “*Mua bán trái phép hoá đơn*”, quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự; truy tố Đào Thị P về tội: “*Mua bán trái phép hoá đơn*”, quy định tại điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng đã truy tố.

Phần luận tội tại phiên tòa hôm nay, sau khi phân tích, đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đình N và Hoàng Thị L phạm tội: “*Trốn thuế*”; Nguyễn Mỹ H1, Phạm Văn T5, Đồng Minh L2 và Đào Thị P phạm tội: “*Mua bán trái phép hoá đơn*”.

1. Căn cứ khoản 3 Điều 200; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình N từ 800 đến 900 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

2. Căn cứ khoản 3 Điều 200; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Hoàng Thị L từ 700 đến 800 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

3. Căn cứ điểm d, đ khoản 2, khoản 3 Điều 203; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Mỹ H1 từ 6 đến 9 tháng tù. Phạt bổ sung bị cáo từ 10 đến 15 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt 12 tháng tù của bản án số 77/2021/HSST ngày 10/6/2021 của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng và 6 tháng tù của bản án số 148/2021/HSST ngày 20/12/2021 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ninh; buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 03 bản án là 24 (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

4. Căn cứ điểm d, đ khoản 2, khoản 3 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Văn T5 từ 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo từ 10 đến 15 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

5. Căn cứ điểm d, đ khoản 2, khoản 3 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Đồng Minh L2 từ 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36

tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo từ 10 đến 15 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

6. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Đào Thị P từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về vật chứng, áp dụng Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đình N:

- + 01 thùng các tông bên ngoài có chữ **“Double A”**; 01 phong bì ký hiệu H1;

- + 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone 11, số IMEL: 353249104219197.

- Trả lại cho Hoàng Thị L: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12, được niêm phong ký hiệu A.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

- + 01 (một) điện thoại Samsung, màu bạc, số IMEL: 353603105190871216, thu giữ của Đồng Minh L2.

- + 01 (một) máy tính xách tay nhãn hiệu DELL Inspiron 3501, ST:F9Z26C3 thu giữ của Hoàng Thị L.

- + 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Nokia 150 số IMEL1: 357748101747346, IMEL2: 357748102747345, 01 điện thoại Nokia số IMEL1: 353163118392975, số IMEL2: 353163119392974 thu giữ của Phạm Văn T5.

- + 01 (một) điện thoại Nokia 105 màu đen, số IMEL1: 353109118078676, số IMEL2: 353109119078675 thu giữ của Nguyễn Mỹ H1.

- Truy thu số tiền trốn thuế đối với các bị cáo Hoàng Thị L và Nguyễn Đình N số tiền: 1.726.058.607đ (các bị cáo đã nộp số tiền: 1.726.100.000đ).

- Truy thu số tiền thu lợi bất chính đối với các bị cáo như sau:

- + Bị cáo Nguyễn Mỹ H1 số tiền 700.305.270 đồng (bị cáo đã nộp 400.000.000đ), còn phải truy thu tiếp: 300.305.270 đồng;

- + Bị cáo Phạm Văn T5 số tiền: 911.339.036 đồng (bị cáo đã nộp 500.000.000đ), còn phải truy thu tiếp: 411.339.036 đồng;

- + Bị cáo Đồng Minh L2 số tiền 313.017.459 đồng (bị cáo đã nộp 300.000.000đ), còn phải truy thu tiếp: 13.017.459 đồng.

- Tạm giữ số tiền 2.926.100.000 đồng để đảm bảo thi hành án cho các bị cáo.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 thùng các tông ký hiệu **A1**, bên trong chứa đồ vật tài liệu của công ty M L2.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc các bị cáo phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận, các bị cáo không tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Quá trình khởi tố vụ án, điều tra, truy tố và xét xử, điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, đại diện theo ủy quyền của bị hại và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan Tiến hành tố tụng, người Tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người Tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đảm bảo hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai của các bị cáo, lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Trong khoảng thời gian từ năm 2018 đến 2021, Nguyễn Mỹ H1 và Phạm Văn T5 đã có hành vi bán trái phép 48 hóa đơn GTGT không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo của Công ty Quang Đại Phát, địa chỉ: Phường MC, quận NQ, thành phố Hải Phòng và Công ty Kim Liên, địa chỉ: Phường ĐK, Quận NQ, thành phố Hải Phòng cho Công ty Đại Dương, địa chỉ: Tổ dân phố QV, phường BH, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên và Công ty M L2, địa chỉ: Tổ dân phố V, phường TH, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên, thu lợi bất chính số tiền 1.611.644.306 đồng. Trong đó, T5 được hưởng số tiền 911.339.036 đồng, H1 được hưởng số tiền 700.305.270 đồng.

Nguyễn Đình N là Giám đốc và Hoàng Thị L là Kế toán trưởng Công ty Đại Dương đã có hành vi mua, sử dụng 07 hóa đơn GTGT (với tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn chưa có thuế là 17.625.404.745 đồng) không hợp pháp của Công ty Quang Đại Phát hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào để trốn thuế GTGT với số tiền 1.726.058.607 đồng.

Đồng Minh L2 là Giám đốc và Đào Thị P là kế toán Công ty M L2 đã có hành vi mua, sử dụng 41 hóa đơn GTGT (có tổng giá trị chưa có thuế là 17.389.858.800 đồng) không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo của Công ty Quang Đại Phát và Công ty Kim Liên với giá 4,2% giá trị hóa đơn chưa có thuế để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào, sau đó xuất bán trái phép hóa đơn GTGT của Công ty M L2 cho các đơn vị, doanh nghiệp khác với giá 6% giá trị hóa đơn chưa có thuế thu lợi bất chính số tiền: 313.017.459 đồng, L2 là người hưởng lợi toàn bộ số tiền này.

Với hành vi nêu trên, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Đình N và Hoàng Thị L về tội “Trốn thuế”, theo quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật hình sự. Truy tố các bị cáo Nguyễn Mỹ H1, Phạm Văn T5 và Đồng Minh L2 về tội “Mua bán trái phép hoá đơn”, quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự; Truy tố bị cáo

Đào Thị P về tội “Mua bán trái phép hoá đơn”, quy định tại điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung các điều luật quy định:

- Điều 200. Tội trốn thuế

“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây trốn thuế với số tiền từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng...thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm:

a)...

d) Sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc làm tăng số tiền thuế được miễn, số tiền thuế được giảm hoặc tăng số tiền thuế được khấu trừ, số tiền thuế được hoàn;

...

3. Phạm tội trốn thuế với số tiền 1.000.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 1.500.000.000 đồng đến 4.500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm;...

- Điều 203. Tội in, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước

“1. Người nào in, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước ở dạng phôi từ 50 số đến dưới 100 số hoặc hóa đơn, chứng từ đã ghi nội dung từ 10 số đến dưới 30 số hoặc thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a)...

d) Hóa đơn, chứng từ ở dạng phôi từ 100 số trở lên hoặc hóa đơn, chứng từ đã ghi nội dung từ 30 số trở lên;

đ) Thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên;

e) ...”

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng ...”.

[3]. Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội. Hành vi trốn thuế của bị cáo L và bị cáo N đã vi phạm quy định của Nhà nước về thuế, xâm phạm tới lợi ích của Nhà nước trong hoạt động thu thuế, nộp ngân sách cho Nhà nước. Hành vi mua bán trái phép hoá đơn của các bị cáo H1, T5, L2 và P đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước đối với các loại hoá đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước, các quy định của Nhà nước về quản lý

tài chính, tiền tệ. Các bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi và năng lực trách nhiệm hình sự, vì vậy cần phải được xử lý nghiêm M bằng pháp luật hình sự.

[4]. Xét vai trò của các bị cáo thấy:

- Đối với tội Trốn Thuế: Bị cáo Nguyễn Đình N là giám đốc Công ty Đại Dương, bị cáo Hoàng Thị L là kế toán trưởng, trong vụ án này, được sự đồng ý của N, L đã mua 07 Hoá đơn GTGT để hạch toán, kê khai khấu trừ thuế GTGT cho Công ty Đại Dương, trốn thuế số tiền 1.726.058.607 đồng, L là người trực tiếp liên hệ và làm các thủ tục để mua hoá đơn, N là Giám đốc đã đồng ý và chỉ đạo L thực hiện việc mua hoá đơn nên N giữ vai trò chính.

Đối với tội mua bán trái phép hoá đơn Nguyễn Mỹ H1 là người chủ mưu, là người, trực tiếp mua 02 Công ty để làm các thủ tục phát hành hoá đơn nhằm bán trái phép hoá đơn cho các công ty tại nhiều tỉnh, thành khác nhau nhằm thu lợi bất chính nên bị cáo H1 giữ vai trò chính, bị cáo T5 tham gia với vai trò đồng phạm và tích cực thực hiện tội phạm. Đối với bị cáo L2, bị cáo P, trong vụ án này L2 là người trực tiếp trao đổi, mua bán hoá đơn với bị cáo T5 và chỉ đạo P thực hiện việc chuyển tiền mua bán hoá đơn nên L2 giữ vai trò chính, P tham gia đồng phạm với vai trò là người trực tiếp thực hiện tội phạm.

Khi xem xét quyết định hình phạt cần xem xét vai trò của từng bị cáo để đảm bảo sự nghiêm M cũng như sự khoan hồng của pháp luật.

[5]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Các bị cáo Hoàng Thị L, Nguyễn Đình N, Phạm Văn T5, Đồng Minh L2 và Đào Thị P chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt. Bị cáo H1 chưa có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân xấu. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, sau khi vụ việc bị phát hiện, các bị cáo N, L đã nộp toàn bộ số tiền trốn thuế để khắc phục hậu quả, nên các bị cáo N và L được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo T5, H1, L2, P đã nộp phần lớn số tiền thu lợi bất chính, nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo N trong quá trình Kinh doanh, sản xuất tại địa phương đã có nhiều thành tích xuất sắc, có nhiều đóng góp cho địa phương, được tặng thưởng nhiều Bằng khen, giấy khen của Chủ tịch UBND tỉnh, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo L được tặng Bằng khen của BCH Hội Doanh nhân tỉnh Thái Nguyên nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo H1 trong quá trình điều tra, mở rộng vụ án đã tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; các bị cáo T5 và bị cáo L2 có bố đẻ được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Trong vụ án này, các bị cáo đều được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo L và bị cáo N đã khắc phục toàn bộ số tiền trốn thuế, theo quy định tại Điều 200 Bộ luật hình sự có quy định hình phạt chính là phạt tiền. Đây là loại tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế nên không nhất thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội, áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với các bị cáo Nguyễn Đình N, Hoàng Thị L mà vẫn có thể cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

Bị cáo Nguyễn Đình N và Hoàng Thị L đã nộp lại toàn bộ số tiền trốn thuế, bị cáo Nguyễn Mỹ H1 hiện tại đang bị bệnh ung thư biểu mô tuyến giáp, đã ly hôn chồng, đang nuôi 02 con nhỏ, đã nộp phần lớn số tiền thu lợi bất chính, các bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên có căn cứ áp dụng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà các bị cáo bị truy tố theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Các bị cáo Phạm Văn T5, Đồng Minh L2 và Đào Thị P đã nộp phần lớn số tiền thu lợi bất chính, các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự và có nhân thân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hiện tại các bị cáo này có hoàn cảnh kinh tế khó khăn không có khả năng chấp hành hình phạt chính là phạt tiền nên có căn cứ áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo, cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[6]. Vật chứng vụ án:

- Các tài liệu thu giữ gồm các tờ hoá đơn, hợp đồng là chứng cứ chứng M hành vi phạm tội, đã được đánh số bút lục, có bảng kê chi tiết tài liệu kèm theo nên tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án.

- Đối với các tài liệu, chứng từ và con dấu của Công ty Đại Dương do Cơ quan điều tra thu giữ của Nguyễn Đình N, được niêm phong trong 01 thùng các tông bên ngoài có chữ **“Double A”** và 01 phong bì ký hiệu H1, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn và L nên cần trả lại cho bị cáo Nguyễn quản lý, sử dụng.

- + Các vật chứng được niêm phong trong 01 thùng các tông ký hiệu **A1**, bên trong chứa đồ vật tài liệu của Công ty M L2 được dán bằng tem niêm phong có đóng dấu của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thái Nguyên, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên toà bị cáo L2 không yêu cầu trả lại nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 04 chiếc điện thoại di động thu giữ của Đồng Minh L2, Phạm Văn T5, Nguyễn Mỹ H1 và 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Dell Inspiron 3501 thu giữ của Hoàng Thị L, quá trình điều tra xác định các bị cáo sử dụng thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 02 chiếc điện thoại thu giữ của bị cáo N và bị cáo L không liên quan đến vụ án cần trả lại cho các bị cáo N, L quản lý, sử dụng.

- Số tiền các bị cáo đã nộp tại cơ quan điều tra là 2.926.100.000 đồng được đối trừ vào số tiền các bị cáo phải thi hành.

- Số tiền trốn thuế được xác định là 1.726.058.607 đồng. Các bị cáo Hoàng Thị L và Nguyễn Đình N đã nộp là 1.726.100.000 đồng, số tiền bị cáo Nguyễn nộp thừa là 41.393đ, tại phiên toà bị cáo không yêu cầu trả lại, cần sung quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền các bị cáo H1, T5 và bị cáo L2 thu lợi bất chính cần truy thu để sung quỹ Nhà nước, cụ thể:

+ Bị cáo Nguyễn Mỹ H1 số tiền 700.305.270đ (bị cáo đã nộp 400.000.000đ), còn phải truy thu tiếp: 300.305.270đ;

+ Bị cáo Phạm Văn T5 số tiền: 911.339.036đ (bị cáo đã nộp 500.000.000đ), còn phải truy thu tiếp: 411.339.036đ;

+ Bị cáo Đồng Minh L2 số tiền 313.017.459đ (bị cáo đã nộp 300.000.000đ), còn phải truy thu tiếp: 13.017.459đ.

Các bị cáo phải chịu án phí và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7]. Trong vụ án này còn có những người có liên quan gồm:

- Nguyễn Thanh H8, sinh năm 1963, nơi cư trú: Phường HN, quận LC, TP Hải Phòng là người đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty Quang Đại Phát. Kết quả điều tra xác định, H8 có cho một người không quen biết thuê đứng tên giám đốc Công ty Quang Đại Phát với giá 3.000.000 đồng. H8 không tham gia điều hành bất kỳ hoạt động nào của Công ty, không ký hóa đơn và hợp đồng kinh tế. Tại thời điểm Công ty Quang Đại Phát hoạt động, H8 đang chấp hành hình phạt tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tại Trại giam Thủy Nguyên TP Hải Phòng, nên không có căn cứ để xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Thanh H8.

- Vũ Thị Kim A, sinh năm 1982, nơi cư trú: Huyện GL, tỉnh Hải Dương là người đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty Kim Liên. Kết quả điều tra xác định, tại thời điểm Công ty Kim Liên hoạt động, Vũ Thị Kim A đã chết ngày 20/6/2020, nên không có căn cứ để xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với Vũ Thị Kim A.

- Nguyễn Thanh H9, sinh năm 1982, nơi thường trú: VT, MK, ĐT, tỉnh Quảng Ninh; chỗ ở hiện nay: Phường MT, thị xã KM, tỉnh Hải Dương là người đến ngân hàng Vietinbank – Chi nhánh Đông Hải Dương để mở tài khoản cho Công ty Quang Đại Phát và Công ty Kim Liên. Tại Cơ quan điều tra, H9 khai nhận do có mối quan hệ quen biết xã hội với một người tên là H11 (thường gọi là chị H11 béo), địa chỉ cụ thể H9 không biết, chị H11 nhờ H9 đến ngân hàng mở tài khoản và thi thoảng nhờ H9 rút tiền từ tài khoản của hai Công ty này, sau mỗi lần rút tiền thì chị H11 có cho H9 từ 500.000đ – 1.000.000đ. Đến cuối năm 2020 chị H11 không liên hệ với H9 nữa, H9 không biết việc các doanh nghiệp này chỉ lập ra để mua bán trái phép hóa đơn. H9 không quen biết ai trong số các bị can đã bị cơ quan điều tra khởi tố. Do vậy, hành vi nêu trên của H9 không đủ yếu tố cấu thành tội phạm với vai trò đồng phạm với bị cáo Nguyễn Mỹ H1.

- Đỗ Văn M, sinh năm 1989, nơi cư trú: TDP TL, phường HT, TP Phổ Yên, Thái Nguyên đã có hành vi cho bị cáo Đồng Minh L2 mượn tài khoản cá nhân của

mình mở tại ngân hàng Vietinbank – Chi nhánh Sông Công để nhận tiền do bị cáo Phạm Văn T5 chuyển đến. Kết quả điều tra xác định, M không biết số tiền được chuyển qua tài khoản của mình dùng để hợp thức việc mua bán trái phép hóa đơn GTGT. Do vậy, hành vi nêu trên của Đỗ Văn M không đủ yếu tố cấu thành tội phạm với vai trò đồng phạm với bị cáo Đồng Minh L2.

- Phạm Thị Thanh H10, sinh năm 1989, trú quán: Phường BH, TP Phổ Yên, Thái Nguyên, là Giám đốc Công ty Thủy Dương và Nguyễn Đình Thái, sinh năm 1957, nơi cư trú: Phường BH, TP Phổ Yên, Thái Nguyên, là Giám đốc Công ty Lâm Sơn. Quá trình điều tra mặc dù đã áp dụng các biện pháp điều tra nhưng không thu được các hóa đơn GTGT (liên 2) của Công ty Quang Đại Phát và Công ty Kim Liên mà Công ty Thủy Dương và Công ty Lâm Sơn đã sử dụng để hạch toán, kê khai hàng hóa, dịch vụ mua vào, nên không xác định được cụ thể số lượng hóa đơn hai Công ty này đã sử dụng. Do vậy, chưa đủ căn cứ để xem xét xử lý các đối tượng theo quy định của pháp luật hình sự. Cơ quan điều tra tiếp tục thu thập tài liệu, chứng cứ để xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Đình N và Hoàng Thị L phạm tội: “*Trốn thuế*”. Các bị cáo Nguyễn Mỹ H1, Phạm Văn T5, Đồng Minh L2 (Đồng Thành C) và Đào Thị P phạm tội: “*Mua bán trái phép hoá đơn*”.

I. Về hình phạt:

1. Áp dụng khoản 3 Điều 200; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình N: 800.000.000đ (tám trăm triệu đồng) nộp Ngân sách Nhà nước.

2. Áp dụng khoản 3 Điều 200; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Hoàng Thị L: 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng) nộp Ngân sách Nhà nước .

3. Áp dụng điểm d, đ khoản 2, khoản 3 Điều 203; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Mỹ H1 06 (sáu) tháng tù. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ (mười triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

* Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt 12 tháng tù của bản án số 77/2021/HSST ngày 10/6/2021 của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng và 6 tháng tù của bản án số 148/2021/HSST ngày 20/12/2021 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ninh; buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 03 bản án là 24 (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày 06/8/2020 đến ngày 30/10/2020 (của Bản án số 77/2021/HSST ngày 10/6/2021) và từ ngày 21/9/2021 đến ngày 19/10/2021.

4. Áp dụng điểm d, đ khoản 2, khoản 3 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Văn T5 18 (mười tám) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (ba mươi

sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo 15.000.000đ (mười năm triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

5. Căn cứ điểm d, đ khoản 2, khoản 3 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Đồng Minh L2 (Đồng Thành C) 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ (mười triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

6. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Đào Thị P 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

- Giao bị cáo Phạm Văn T5 cho UBND xã Lê Thiện, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng;

- Giao bị cáo Đồng Minh L2 cho UBND Phường Tân Hương, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên;

- Giao bị cáo Đào Thị P cho UBND phường HT, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo, theo quy định tại Điều 93 Luật thi hành án hình sự.

II. Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

1. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đình N:

- 01 thùng cát tông, bên ngoài thùng có chữ “**Double A**” có chữ ký của Hoàng Thị L và thành phần tham gia niêm phong và hình dấu tròn đỏ của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thái Nguyên, bên trong gồm toàn bộ đồ vật, tài liệu tại Biên bản mở niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ ngày 12 tháng 9 năm 2021 của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thái Nguyên.

- 01 phong bì ký hiệu **H1** kích thước 25x40cm (mẫu phong bì của Công ty dịch vụ chuyển phát nhanh) được dán bằng tem niêm phong có đóng dấu của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thái Nguyên.

- 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 11, số IMEL: 353249104219197. Cạnh thẻ sim ký hiệu A2160 của Nguyễn Đình N. Tình trạng đã qua sử dụng, góc dưới cùng bên trái và góc trên cùng bên trái bị xước vạch dài.

2. Trả lại cho bị cáo Hoàng Thị L: 01 bì niêm phong ký hiệu **A** trên mép dán có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và 04 hình dấu tròn đỏ của Công an xã HT, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Bên ngoài ghi: “Điện thoại Hoàng Thị L”.

3. Tịch thu tiêu huỷ:

- 01 hộp cát tông ký hiệu **A1** bên trong gồm: 01 vở học sinh bìa ghi “Số khối lượng đất”, loại vở Hải T5 “Pupil” gồm 39 tờ cả bìa; 01 quyển “Phiếu chi”, quyển số 01, năm 2013, gồm 53 tờ cả bìa của Công ty TNHH Thương mại xây dựng M L2; 01 quyển “Phiếu thu”, bìa màu hồng, gồm 51 tờ cả bìa của Công ty TNHH Thương mại xây dựng M L2; 01 quyển sổ “Bán hàng” bìa màu xanh có ghi Công ty TNHH Thương mại xây dựng M L2; 01 quyển “Phiếu thu”, gồm 54 tờ cả bìa của Công ty TNHH Thương mại xây dựng M L2; 01 quyển sổ “Ghi chú”, bìa ghi A5, ghi chép công nợ của Công ty TNHH thương mại xây dựng M L2.

4. Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

- Số tiền: 2.926.100.000đ (hai tỷ chín trăm hai mươi sáu triệu một trăm nghìn đồng).

- 01 máy tính xách tay nhãn hiệu DELL Inspiron 3501, ST:F9Z26C3 của Hoàng Thị L. Tình trạng đã qua sử dụng.

- 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 150 số IMEL1: 357748101747346, IMEL2: 357748102747345, 01 điện thoại Nokia số IMEL1: 353163118392975, số IMEL2: 353163119392974 của Phạm Văn T5. Tình trạng máy cũ, xước và đã qua sử dụng.

- 01 điện thoại Nokia 105 màu đen, số IMEL1: 353109118078676, số IMEL2: 353109119078675 của Nguyễn Mỹ H1. Tình trạng đã qua sử dụng.

- 01 điện thoại Samsung, màu bạc, số IMEL: 353603105190871216 của Đồng Minh L2. Được niêm phong trong phong bì có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và 01 hình dấu tròn đỏ của Công an xã Tân Hương, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

(Vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng số 66 ngày 14/6/2022 giữa Cơ quan điều tra với Cục Thị hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên; Số tiền theo ủy nhiệm chi số 200/177 ngày 22/6/2022 của kho bạc Nhà nước tỉnh Thái Nguyên).

5. Truy thu số tiền thu lợi bất chính đối với các bị cáo như sau:

- Bị cáo Nguyễn Mỹ H1 số tiền: **300.305.270đ** (ba trăm triệu ba trăm linh năm nghìn hai trăm bảy mươi đồng);

- Bị cáo Phạm Văn T5 số tiền: **411.339.036đ** (bốn trăm mười một triệu ba trăm ba mươi chín nghìn không trăm ba mươi sáu đồng);

- Bị cáo Đồng Minh L2 số tiền: **13.017.459đ** (mười ba triệu không trăm mười bảy nghìn bốn trăm năm mươi chín đồng).

III. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Đình N, Hoàng Thị L, Nguyễn Mỹ H1, Phạm Văn T5, Đồng Minh L2 và Đào Thị P, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC; TANDCC; Sở tư pháp;
- VKSNDCC; VKSND tỉnh TN;
- Công an tỉnh TN; Trại tạm giam;
- Cục THADS tỉnh;
- Bị cáo;
- NTGTT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Minh Tuân